

cung và phía cầu), hoàn thiện môi trường pháp lý về hoạt động cung cấp dịch vụ phát triển kinh doanh, chú trọng quản lý về chất lượng các dịch vụ. Khuyến khích các tổ chức hiệp hội thực hiện các dịch vụ phát triển kinh doanh; tích cực triển khai các chương trình trợ giúp phát triển DNNVV; tham gia xây dựng thể chế, chính sách và các chương trình trợ giúp DNNVV nhằm tăng cường vai trò hỗ trợ của Hiệp hội và thực sự là đại diện lợi ích hợp pháp của DNNVV.

9. Nâng cao hiệu quả điều phối thực hiện các hoạt động trợ giúp phát triển DNN&V, tăng cường vai trò của Hội đồng Khuyến khích phát triển DNNVV; tăng cường năng lực cho các địa phương về quản lý, xúc tiến, phát triển DNNVV.

Tóm lại: Phát triển DNNVV vừa là một nhiệm vụ kinh tế vừa là một nhiệm vụ chính trị quan trọng hiện nay ở nước ta. Trong môi trường cạnh tranh DNNVV đã luôn luôn chứng tỏ được ưu thế của mình, với nhiều loại qui mô khác nhau, nên rất linh hoạt trong kinh doanh. Nhưng DNNVV vẫn còn có nhiều mặt hạn chế, trong các mặt hạn chế đó thì hạn chế nhất là về năng lực tài chính, hệ thống chính sách tín dụng hiện hành chưa tháo gỡ được những vướng mắc trong việc tiếp cận nguồn vốn chính thức, và chưa đáp ứng được nhu cầu về vốn cho loại hình doanh nghiệp này. Vì vậy, việc đề ra phương hướng phát triển DNNVV trong nền kinh tế thị trường hiện nay ở nước ta là cấp thiết, nhằm thúc đẩy loại hình doanh nghiệp này phát triển. ●



GS.TS. VÕ THANH THU

A. Nét lớn về thành công và tồn tại trong phát triển KCX và KCN

Năm 1991 KCX Tân Thuận TP.HCM là khu công nghiệp đặc thù đầu tiên được cấp giấy phép hoạt động. Sau 19 năm, đất nước ta đã hình thành 254 KCN, KCX, khu công nghệ cao, phân bố trên 56 tỉnh/thành phố, trong đó có 171 KCN đã đi vào hoạt động (chủ yếu ở các thành phố lớn), 83 KCN tập trung đang hoặc sẽ xây dựng cơ bản, ngoài ra còn có hàng nghìn cụm công nghiệp, khu công nghiệp nhỏ do địa phương quản lý. Các KCX – KCN đã huy động sức mạnh tổng hợp của mọi thành phần kinh tế, thu hút trên 7.000 dự án (trong và ngoài nước) với tổng nguồn vốn đầu tư thực hiện hơn 20 tỷ USD;

hằng năm tạo ra khoảng 33 tỷ USD trị giá hàng công nghiệp, chiếm gần 40% giá trị sản xuất công nghiệp, gần 30 % giá trị xuất khẩu của cả nước; nộp ngân sách 2,6 tỷ USD; giải quyết việc làm trực tiếp cho khoảng trên 1,5 triệu lao động [1;7,8]. Sự hình thành các KCN , KCX đã góp phần đẩy mạnh sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của đất nước theo hướng: “Công nghiệp hóa”. Bên cạnh những thành tựu, sự phát triển các KCN và KCX của VN cũng bộ lộ nhiều tồn tại, tác động hạn chế đến đời sống kinh tế-XH của VN. trong bài báo này, chúng tôi xin đề cập tới những tồn tại cơ bản tạo ra các nguy cơ ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững các KCN, KCX của VN:

1. Phong trào phát triển KCN& KCX dấy lên ở nhiều địa phương, gần như tỉnh nào cũng có khu công nghiệp (Chỉ 7 tỉnh không có KCN). Sự cho ra đời các khu

công nghiệp một cách vội vã mà người ta không tính đến mặt trái của sự phát triển KCN, hậu quả ở nhiều vùng người ta lấy đất, thậm chí lấy đất trồng lương thực năng suất cao để làm khu công nghiệp. Ví dụ ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) theo Phòng Thương mại và Công nghiệp VN, Chi nhánh Cần Thơ, hiện toàn vùng có 20 khu công nghiệp (KCN) với tổng diện tích 3.645 ha, diện tích đất đã cho thuê trên 810 ha, đạt tỉ lệ trên 22%. Ngoài ra, các tỉnh ĐBSCL còn lập 177 cụm công nghiệp với diện tích 15.457 ha; trong đó, chỉ có 15 cụm được các doanh nghiệp thuê đất hơn 700 ha, tỉ lệ chỉ đạt 4,5% tổng diện tích quy hoạch. Vùng bán đảo Cà Mau xa xôi, nơi nền đất rất yếu, nhiều khu, cụm công nghiệp cũng ồ ạt mọc lên ở Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Hậu Giang... sau đó đất đai bị bỏ hoang cho cỏ mọc vì không có nhà đầu tư. Như vậy, đến nay, các tỉnh ĐBSCL có tới 17.690/19.102 ha đất tại các khu, cụm công nghiệp hiện diện tích bị bỏ trống, chiếm hơn 92,6%. Mỗi năm riêng ĐBSCL, đất nông nghiệp bị mất tới 70.000 ha đe dọa an ninh lương thực của quốc gia và khu vực; tác động xấu đến đời sống kinh tế XH của nhân dân, đặc biệt những nông dân bị lấy đất làm KCN. Ở các KCN miền Trung từ Thanh Hóa tới Bình Thuận, tình hình các KCN ra đời nhiều, nhưng tỷ lệ lấp đầy bằng các dự án đầu tư cũng rất thấp bình quân khoảng 30 %, gây lãng phí quỹ đất, tác động xấu tới chất lượng

phát triển. Theo số liệu báo cáo của UBND TP.HCM với Bộ Tài nguyên - Môi trường về quy hoạch sử dụng đất của TP.HCM trong giai đoạn 2001-2008 diện tích đất trồng lúa giảm nhiều, bình quân 3.000ha mỗi năm.



2. Vì nhiều KCN chạy theo mục tiêu thu hút dự án, nên buông lỏng kiểm soát chặt chẽ hoạt động của các doanh nghiệp gây ô nhiễm đã tác động xấu đến môi trường. Theo Cục Cảnh sát môi trường (C36B - Tổng cục Cảnh sát, Bộ Công an) cho biết, trong năm 2009-2010, khi có tới 70% KCN-KCX trong cả nước chưa xây dựng hệ thống xử lý chất thải (HTXLCT - rắn và lỏng). Đáng lo ngại là các doanh nghiệp có HTXLCT nhưng chỉ để đối phó, không sử dụng mà lại xây dựng hệ thống bí mật, phức tạp để xả thải trực tiếp ra môi trường gây ô nhiễm trên diện rộng tác động tiêu cực đến đời sống kinh tế -XH. Hàng trăm doanh nghiệp tại các KCN Bình Dương, Đồng Nai xả thẳng hàng triệu lít nước thải ra sông Đồng Nai, là nơi cung cấp nước sinh hoạt của hàng triệu người ở các tỉnh miền Đông Nam Bộ. Theo Bộ Tài nguyên và Môi trường, công

bố năm 2009: Mỗi ngày có hàng triệu m³ nước thải ra môi trường thì có 70 % thải ra từ các KCN chưa được qua xử lý, lượng chất thải rắn từ các KCN đang có chiều hướng gia tăng, trong đó thành phần chất thải rắn nguy hại chiếm tới 20%.

Riêng năm 2010, ước tính khối lượng chất thải rắn công nghiệp của cả nước khoảng 4,8 triệu tấn, trong đó có khoảng 630.000 tấn chất thải nguy hại. Lượng chất thải rắn tại các KCN ngày càng gia tăng, nhưng vấn đề thu gom và xử lý chất thải tại các KCN còn nhiều bất cập, nhất là đối với việc quản lý, vận chuyển và đăng ký nguồn thải đối với chất thải nguy hại.

3. Tình hình thiếu lao động tại các KCN trong những năm gần đây rất trầm trọng, cơn “khát” lao động đã gần như lên đến đỉnh điểm khi tại các khu chế xuất, khu công nghiệp trên cả nước, đi đến đâu doanh nghiệp cũng kêu không tuyển được lao động. Ngay tại các khu công nghiệp nằm tại vùng nông nghiệp, đông dân cư cũng khó khăn trong tuyển dụng lao động: trong 6 tháng đầu năm 2010 các KCN ĐBSCL thiếu khoảng 30.000 công nhân phổ thông; các khu công nghiệp Hà Nội, TP.HCM, Đồng Nai hàng trăm doanh nghiệp không thể mở rộng hoạt động, hoặc chậm triển khai dự án vì không tuyển được nguồn nhân lực. Điều đáng chú ý ngay cả lao động phổ thông cũng không thể tuyển đủ, thêm vào đó tình trạng công nhân chuyển chỗ lao động “vô - ra doanh nghiệp” rất phổ biến lên đến 50-60 % tổng số lao động, khiến doanh nghiệp bị động, chi phí kinh doanh tăng



vì chi phí tuyển dụng mới, chi phí đào tạo huấn luyện lớn, sản phẩm hỏng nhiều do tay nghề công nhân yếu (vì thiếu công nhân có kinh nghiệm) tác động xấu đến khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Nguyên nhân chủ yếu là lương của công nhân tại các KCN rất thấp chế độ và điều kiện lao động, điều kiện sống không được đảm bảo. Đa số các trung tâm KCN lớn của cả nước như: TP.HCM, Bình Dương, Đồng Nai, Hà Nội... công nhân là dân nhập cư chiếm từ 70% đến 90% nhưng chủ doanh nghiệp, các cơ quan quản lý có liên quan chưa quan tâm thỏa đáng tới nhà ở, điều kiện sinh hoạt. Theo thống kê của các ban quản lý KCN chỉ 2% số công nhân đang làm trong các KCN được lưu trú trong các chung cư do chủ doanh nghiệp xây. Ngoài ra, nhiều doanh nghiệp không quan tâm đến công tác đào tạo: theo khảo sát của Sở Khoa học và Công nghệ TP.HCM, chỉ 30% doanh nghiệp chú ý nâng cao trình độ cho cán bộ công nhân viên.

4. Đa số các doanh nghiệp hoạt động tại các KCN hiện nay thuộc ngành công nghiệp thâm dụng lao động, hoặc các ngành chế biến mang tính ô nhiễm: Lắp ráp hàng điện, điện tử, dệt, may, giày dép, nhuộm, hóa chất... ít doanh nghiệp có trình độ công nghệ cao. Kết quả khảo sát của Sở Khoa học và Công nghệ TP.HCM công bố chiều 6/1/2010, tại các KCX, KCN của thành phố chỉ có 1% doanh nghiệp (3/429 doanh nghiệp) - đạt trình độ công nghệ ở mức tiên tiến. Theo khảo sát này, số doanh nghiệp đạt mức khá chỉ 4%, nhỉnh hơn là trung bình khá 8%, trung bình 36%, và mức

trình độ công nghệ thấp chiếm tới 51% [2]. Các KCN khác của cả nước cũng có tình trạng cũng tương tự, thậm chí còn tệ hơn. Như vậy, hoạt động của các KCN chỉ mới tác động tới nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, chứ chưa tham gia tích cực vào quá trình “Hiện đại hóa” nền kinh tế VN. Đây cũng là hệ quả của mục tiêu thu hút đầu tư để thỏa mãn yêu cầu “khát vốn”, “lấp đầy” các KCN, mà xem nhẹ sự chọn lọc dự án; chính sách ưu tiên ưu đãi dự án công nghệ cao chưa hấp dẫn.

5. Hiện tượng quy hoạch treo các KCN còn khá phổ biến, khiến nhân dân trong các vùng này sống trong tình trạng bất ổn nhiều năm: không được xây dựng, không giao dịch chuyển nhượng, không được thay đổi mục đích sử dụng... nhiều đơn khiếu nại khiếu tố, biểu tình có liên quan đến phát triển KCN. Tại ĐBSCL có đến 100.000 ngàn hộ dân bị ảnh hưởng bởi việc thu hồi đất làm KCN [1,16]; thế nhưng vùng này như trên đã đề cập tỷ lệ diện tích KCN cho thuê rất thấp, bà con không đất canh tác, không có việc làm tại chỗ vì nhiều khu CN chưa triển khai, cuộc sống cơ cực

6. Cơ sở hạ tầng trong và nối kết giữa KCN và ngoài khu công nghiệp còn yếu: Đường xá chưa mở, giao thông khó khăn; thiếu điện... khiến nhiều khu công nghiệp bỏ không.

B. Những nguyên nhân dẫn tới các tồn tại trong phát triển các KCN

- Ở cấp vĩ mô: Trung ương, lẫn địa phương chưa có chiến lược phát triển các KCN, dẫn tới sự phát triển mang tính tùy

tiện, ngẫu hứng ở nhiều nơi: Quy hoạch treo; giải tỏa, đền bù xong bỏ hoang cho cỏ mọc; xây dựng xong cơ sở hạ tầng, không kiểm được nhà đầu tư; có nhà đầu tư rồi thì không tuyển dụng được công nhân...

- Chất lượng quy hoạch phát triển KCN thấp: chưa mang tính liên tỉnh, liên vùng; KCN đóng ở các vị trí dễ lây lan ô nhiễm: gần sông nước, nhiều nơi KCN nằm trong khu dân cư... Quy hoạch KCN chưa gắn với đảm bảo chỗ ở, nơi lưu trú sinh hoạt cho công nhân.

- Hệ thống pháp luật, các văn bản hướng dẫn có liên quan đến phát triển KCN như: Luật lao động, Luật về môi trường; về phát triển KCN; quy định về lương tối thiểu, về thu hút dự án có công nghệ cao... còn nhiều điểm không phù hợp.

- Thực chất các công ty phát triển KCN là các công ty kinh doanh bất động sản, nhưng quy chế về vấn đề này chưa hoàn thiện khiến nhiều nhà đầu tư đầu cơ đất: làm dự án phát triển KCN, nhưng sau khi được phê duyệt rồi thì chuyển nhượng kiếm lời hoặc thay đổi công năng “xé đất” bán nền gây lãng phí, bức xúc cho nhân dân vùng giải tỏa giành đất phục vụ cho phát triển KCN.

- Cơ chế quản lý môi trường tại các KCN còn chông chéo, hoạt động kém hiệu quả; mức phạt về gây ô nhiễm môi trường chưa mang tính răn đe khiến nhiều doanh nghiệp cứ gây ô nhiễm rồi chịu phạt, vì phí phạt thấp hơn nhiều so với chi phí đầu tư cho xử lý ô nhiễm.

- Chiến lược xúc tiến đầu tư chưa bài bản thiếu tầm nhìn xa trông rộng: chưa có sự chọn lọc



trong thu hút vốn đầu tư, vẫn còn tư tưởng thu hút đầu tư với mọi giá, miễn lấp đầy KCN. Chưa quan tâm đến các dự án thân thiện với môi trường...

- Chưa có chiến lược đầu tư vào phát triển nguồn nhân lực đáp ứng sự phát triển, chuyển dịch cơ cấu ngành nghề tại các KCN.

C. Những giải pháp hạn chế những thách thức đối với phát triển các KCN VN

- Bộ Kế hoạch & Đầu tư xây dựng đề án phát triển các KCN & KCX VN giai đoạn 2010-2020 trình Chính phủ phê duyệt. Chiến lược này phải nêu rõ “Sứ mạng”, nhiệm vụ của các KCN trong điều kiện hội nhập mới: khi cộng đồng ASEAN ra đời vào năm 2015 và đến năm 2018 sau khi VN thực thi các cam kết mở cửa thị trường thương mại và đầu tư thì được WTO thừa nhận là nước có nền kinh tế thị trường

- Xây dựng chiến lược phát triển các KCN theo vùng kinh tế: Vùng trọng điểm miền Tây Nam Bộ; Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam; miền Trung và phía Bắc... Mỗi vùng phải thể hiện thế mạnh của mình trong phát triển KCN, không nên các vùng kinh tế có lợi thế khác nhau mà lại có một mô hình phát triển KCN giống nhau.

- Hoàn thiện các bộ luật và các văn bản pháp quy tạo hành lang pháp lý cho việc chống ô nhiễm môi trường, sử dụng tốt nguồn nhân lực, khuyến khích thu hút các dự án công nghệ cao.

- Xây dựng các luật về khu công nghiệp; luật đình công bãi công... các luật này tạo cơ sở pháp lý cho phát triển bền vững các khu công nghiệp.

- Xây dựng quy trình: xây dựng, vận hành KCN trên nguyên tắc: Với các dự án KCN ở vùng nông nghiệp như vùng ĐBSCL, Đồng bằng sông Hồng... muốn được cấp giấy phép đầu tư KCN phải nằm trong quy hoạch; chủ đầu tư KCN phải trình bày luận chứng kinh tế kỹ thuật, có kèm theo bản giải trình về tác động của KCN đến môi trường và phương án xử lý; phương án đền bù giải tỏa đất, tái lập cuộc sống cho người dân ở vùng bị lấy đất làm KCN... trước hội đồng liên ngành: Ban chỉ đạo Vùng kinh tế; đại diện Sở Tài nguyên & Môi trường, đại diện Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; đại diện của người dân ở vùng có đất bị thu hồi. Ngoài ra, KCN chỉ được vận hành, thu hút nhà đầu tư sau khi đã xây dựng xong hệ thống xử lý nước và chất rắn.

- Hoàn thiện Quy hoạch tổng thể và các quy hoạch chi tiết về phát triển KCN, các quy hoạch phải tính đến các yếu tố đất giành cho hoạt động đầu tư, đất giành cho cây xanh, đất giành cho phát triển nhà ở và công trình phúc lợi phục vụ cho người lao động.

- Hoàn thiện lương tối thiểu (vì hiện nay đã lạc hậu), tiến tới bỏ loại lương này mà để cho thị trường điều tiết. Các nhà hoạch định chiến lược ở các cấp chú ý: lương thấp, điều kiện sống và làm việc khổ cực là nguyên nhân lớn nhất dẫn tới không tuyển dụng được lao động; công nhân bỏ việc và thường xuyên thay đổi chỗ làm.

- Thay đổi cơ cấu đầu tư vào các KCN ở các thành phố lớn như TP.HCM, Hà Nội... giảm và tiến tới ngưng thu hút dự án thâm dụng lao động, gây ô nhiễm môi

trường; thu hút các dự án công nghệ cao, dự án tạo được giá trị gia tăng cao tại VN; dự án thân thiện với môi trường.

Tóm lại, sau hơn 19 năm hình thành và phát triển hệ thống KCX, KCN đã trở thành lực lượng có sự đóng góp không nhỏ cho sự phát triển kinh tế nước nhà theo hướng “công nghiệp hóa” và hội nhập nhanh với nền kinh tế thế giới. Tuy nhiên tính hiệu quả và bền vững của sự phát triển các KCN chưa cao, cần phải áp dụng hệ thống các giải pháp từ doanh nghiệp đến Chính phủ để giải quyết. ●

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường, *Báo cáo môi trường quốc gia- Môi trường KCN VN*, 2009
2. Kết quả khảo sát của Sở Khoa học và Công nghệ TP.HCM 1/2010 về trình độ công nghệ của các doanh nghiệp trong KCX, KCN TP.HCM
3. Tham luận của Phòng Thương mại và Công nghiệp VN, Chi nhánh Cần Thơ về “Thực trạng các KCN ở Đồng bằng Sông cửu Long”
4. TS. Trần Đắc Hiền, Văn phòng Chính Phủ, “Ô nhiễm môi trường ở nước ta hiện nay – Thực trạng và một số giải pháp khắc phục”, tham luận hội thảo, 1/2010.
5. Các trang Website
www.fia.mpi.gov.vn _ Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư).
www.khucongnghiep.com.vn _ Khu công nghiệp VN
www.viipip.com - INDOCHINA INTERNATIONAL CONSULTING
www.cia.gov _ The CIA Website - Central Intelligence Agency